

Bản án số: 66/2019/DS-ST

Ngày: 13-6-2019.

*“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đặng Ngọc Thu**.

2. Ông **Phạm Văn Tư**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bé Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông **Trần Hoàng Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2018/TLST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2019/QĐXXST-DS ngày 26-4-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 445/2019/QĐST-DS ngày 22-5-2019 giữa các đương sự:

**\*. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Ph.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trụ sở: Số 45, đường L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Thị Thanh B** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Ph - Chi nhánh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 81 - 83, đường Ph, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ông B ủy quyền cho ông **Dương Văn H** - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (Giấy ủy quyền số 39/2018/UQ-OCB-CNVL ngày 24-9-2018), (*Có mặt*).

**\*. Bị đơn:**

1. Ông **Huỳnh Bửu L**, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*).

2. Bà **Trần Thị Thảo Ng**, sinh năm 1982 (*Có mặt*).

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 16/2, đường Ng, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Cùng nơi cư trú: Số 55, ấp L, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-7-2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng thương mại cổ phần Ph (Gọi tắt là Ngân hàng Ph) với ông Huỳnh Bửu L và bà Trần Thị Thảo Ng ký kết hợp đồng tín dụng số 0567/2015/HĐTD-CN ngày 25-12-2015; Ngân hàng Ph cho ông L và bà Ng vay số tiền là 640.000.000 đồng; mục đích vay: Mua bất động sản; áp dụng lãi suất cho vay theo gói tín dụng: Vay kích cầu – lãi thấp, thủ tục nhanh, lãi suất cố định 10,5%/năm trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn; thời hạn cho vay là 180 tháng (Đến ngày 28-12-2030 đáo hạn); phương thức vay trả góp nợ gốc hàng quý, trả lãi hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ, ông L với bà Ng thế chấp tài sản là bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 277, tờ bản đồ 33, diện tích 160,6 m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 55, ấp L, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, số CA 081209, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS10944 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 24-6-2015 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4 diện tích xây dựng 75 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 156,4 m<sup>2</sup> cho Ngân hàng Ph thông qua hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016.

Ngân hàng Ph đã giải ngân cho ông L với bà Ng số tiền 640.000.000 đồng và các bên đã ký khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0567/2015/OCB/KUNN-CN ngày 28-12-2015.

Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và nợ gốc được quy định trong hợp đồng tín dụng về trả nợ vay. Ngân hàng Ph đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng Ph khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng trước hạn giữa Ngân hàng Ph với ông Huỳnh Bửu L và bà Trần Thị Thảo Ng; yêu cầu ông Huỳnh Bửu L và bà Trần Thị Thảo Ng trả số nợ tính đến ngày khởi kiện ngày 25-7-2018 là 638.848.402 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp, ông Huỳnh Bửu L và bà Trần Thị Thảo Ng không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

***Bị đơn:*** Ông Huỳnh Bửu L và bà Trần Thị Thảo Ng đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn theo Thông báo bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Trần Thị Thảo Ng vắng mặt không có lý do chính đáng; tại biên bản hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27-9-2018 (BL 87) ông Huỳnh Bửu L thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và xác nhận còn nợ số tiền gốc

và lãi như đơn khởi kiện của nguyên đơn; ông L xin trả hàng tháng 10.000.000 đồng trên nợ gốc và đề nghị nguyên đơn tính lãi suất bằng mức lãi huy động từ ngày 26-7-2018 đến khi trả hết nợ. Các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15-10-2018, ngày 04-12-2018, ngày 28-12-2018 và ngày 14-3-2019 bị đơn vắng mặt không có lý do mặt dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai các Thông báo. Như vậy, vụ án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không đến Tòa án theo Thông báo của Tòa án (Trừ ngày 27-9-2018 ông L đến Tòa án trình bày ý kiến). Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ 02 lần đối với tài sản thế chấp là nhà và đất gắn liền tại số 55, ấp L, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nhưng không xem xét thẩm định tại chỗ được lý do ông L vắng mặt, bà Ng (Vắng mặt 01 lần, 01 lần có mặt nhưng bà Ng không cung cấp thông tin về nguồn gốc tài sản thế chấp cho Tòa án).

#### ***Tại phiên tòa:***

- Đại diện nguyên đơn giao nộp chứng cứ bảng tính lãi khách hàng đề ngày 12-6-2019; trình bày ý kiến từ ngày 28-12-2015 đến ngày 11-10-2017, ông L và bà Ng chỉ trả vốn gốc được số tiền 63.960.000 đồng và tiền lãi 113.927.284 đồng thì ngưng không trả vốn gốc và tiền lãi cho đến hôm nay. Vì vậy, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền vốn gốc là 576.040.000 đồng và tiền lãi từ 11-10-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (13-6-2019) là 150.438.294 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 118.411.701 đồng và lãi quá hạn 32.026.593 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 726.478.294 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn trên dư nợ cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng đã ký kết; yêu cầu xử lý tài sản thế chấp như nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn:

Ông Huỳnh Bửu L vắng mặt không có lý do, không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Trần Thị Thảo Ng trình bày: Bà với ông L là vợ chồng, hôm nay ông L lái xe tải chở hàng hóa cho khách hàng nên không đến dự phiên tòa.

Qua nội dung đơn khởi kiện và trình bày ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, bà Ng thừa nhận bị đơn còn nợ số tiền nợ gốc 576.040.000 đồng và lãi theo bảng kê tính lãi nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa. Đối với hợp đồng vay tín dụng số 0567/2015/HĐTD-CN ngày 25-12-2015; khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0567/2015/OCB/KUNN-CN ngày 28-12-2015; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016 là do bà và ông L tự nguyện ký kết với Ngân hàng Ph. Sau khi được giải ngân, ông L trả nợ gốc và lãi được bao nhiêu thì bà không xác định nhưng lúc đó kinh tế gia đình gặp khó khăn không có nguồn để trả nợ nên bà với ông L không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là đúng vì bà và ông

L vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng. Tại phiên tòa, bà Ng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn vừa trình bày nhưng xin gia hạn thời gian trả nợ 01 năm và xin giảm tiền lãi.

Ngoài ra, bà Ng trình bày số tiền vay sau khi giải ngân bà và ông L đã thanh toán tiền mua nhà và đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016.

***- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, thủ tục tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án:***

Về tố tụng: Tòa án khi thụ lý vụ án đúng thẩm quyền loại việc được quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc Thông báo thụ lý vụ án và cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đưa vụ án ra xét xử vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của nguyên đơn phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Bửu L và bà Trần Thị Thảo Ng phải thanh toán cho Ngân hàng Ph số tiền vốn gốc và tiền lãi là 726.478.294 đồng. Trong đó số tiền vốn gốc 576.040.000 đồng, tiền lãi trong hạn 118.411.701 đồng, tiền lãi quá hạn 32.026.593 đồng. Ngân hàng Ph được quyền tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông L và bà Ng trả xong vốn gốc. Trường hợp ông L và bà Ng không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng Ph thì giao cho Cơ quan thi hành án Dân sự phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016 để ưu tiên thanh toán nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng nêu trên; ghi nhận bà Ng tự nguyện chịu 700.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; buộc bị đơn chịu 33.059.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tổ tụng:**

- Nguyên đơn là tổ chức tín dụng ký hợp đồng vay tín dụng với bị đơn là cá nhân; mục đích vay mua bất động sản, không nhằm mục đích kinh doanh để phát sinh lợi nhuận. Do đó xác định đây là vụ án có quan hệ pháp luật dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, hợp đồng tín dụng giữa các bên ký kết có thỏa thuận lựa chọn cấp Tòa án giải quyết tranh chấp nên thuộc thẩm quyền loại việc của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

- Bị đơn ông Huỳnh Bửu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất ngờ và trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Sau khi xem xét đánh giá chứng cứ do đương sự cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số 0567/2015/HĐTD-CN ngày 25-12-2015; khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0567/2015/OCB/KUNN-CN ngày 28-12-2015; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016; bảng tính lãi khách hàng đề ngày 12-6-2019; thông báo nợ quá hạn lần 1, lần 2 và lần 3 của Ngân hàng ph cho bị đơn; lời trình bày thừa nhận nợ của ông L tại biên bản ngày 27-9-2018 (BL 87), trình bày của đại diện nguyên đơn và xác nhận nợ của bà Ng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tín dụng số 0567/2015/HĐTD-CN ngày 25-12-2015; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016 được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên các hợp đồng nêu trên có hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn gốc và tiền lãi theo thỏa thuận của hợp đồng, cụ thể từ ngày 28-12-2015 đến ngày 11-10-2017, bị đơn ông L và bà Ng chỉ trả vốn gốc được số tiền 63.960.000 đồng và tiền lãi 113.927.284 đồng. Sau đó, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả góp vốn gốc định kỳ và tiền lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu và thông báo nợ quá hạn đến 3 lần nhưng bị đơn không đến Ngân hàng Ph để xử lý nợ. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ phù hợp pháp luật. Ngoài lời thừa nhận nợ của ông L thì bị đơn không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án để phản bác lại chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết chứng cứ của nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận nợ của ông L với bà Ng là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là

576.040.000 đồng và tiền lãi từ 11-10-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (13-6-2019) là 150.438.294 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 118.411.701 đồng và lãi quá hạn 32.026.593 đồng) theo bảng tính lãi khách hàng đề ngày 12-6-2019 do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa; đồng thời tiếp tục tính lãi quá hạn đến khi bị đơn trả hết nợ.

Đối với tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 277, tờ bản đồ 33, diện tích 160,6 m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 55, ấp L, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, số CA 081209, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS10944 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 24-6-2015 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4 diện tích xây dựng 75 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 156,4 m<sup>2</sup>. Khi vay vốn, ông L và bà Ng đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ 02 lần (Lần thứ nhất chỉ có bà Ng có mặt tại ngôi nhà thế chấp, lần thứ 2 không có ai ở ngôi nhà thế chấp, nhà đóng cửa). Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bị đơn cung cấp thông tin về nguồn gốc hình thành tài sản thế chấp có ai cùng góp vốn hay không (Thông báo yêu cầu cung cấp, bổ sung tài liệu chứng cứ số 160/TB-TA ngày 20-02-2019 (BL 126)) nhưng bị đơn không cung cấp nên Hội đồng xét xử xem xét những chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp (Bản cung cấp thông tin tài liệu số 299/VPĐKĐĐ ngày 05-3-2018 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp kèm theo các tài liệu thể hiện quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên phần đất thửa số 277, tờ bản đồ 33 đang thế chấp do ông Huỳnh Bửu L đứng tên) và lời trình bày của bà Ng tại phiên tòa “Xác định số tiền vay dùng vào việc trả tiền mua nhà và đất đang thế chấp” nên có căn cứ để xác định tài sản thế chấp nêu trên của vợ chồng ông Huỳnh Bửu L và bà Trần Thị Thảo Ng. Vì vậy, ông L và bà Ng ký kết đảm bảo thế chấp tài sản nêu trên với Ngân hàng Ph không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ người thứ 3 nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016 cần được duy trì để đảm bảo ưu tiên cho nguyên đơn thu hồi nợ.

Xét ý kiến của bị đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý gia hạn 01 năm cho bị đơn trả nợ, không đồng ý cho bị đơn trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng và không đồng ý giảm tiền lãi cho bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn sẽ xem xét ý kiến bị đơn trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn có thiện chí trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến bị đơn.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc là 576.040.000 đồng và tiền lãi từ 11-10-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (13-6-2019) là 150.438.294 đồng (Trong đó tiền lãi trong hạn là 118.411.701 đồng và tiền lãi quá hạn 32.026.593 đồng) theo bảng tính lãi khách hàng đề ngày 12-6-2019 nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa theo hợp đồng tín dụng số 0567/2015/HĐTD-CN ngày 25-12-2015. Tổng cộng vốn gốc và tiền lãi là 726.478.294 đồng. Kể từ ngày tuyên án về sau hàng tháng bị đơn phải chịu lãi suất quá hạn điều chỉnh

từng thời điểm theo thỏa thuận trong hợp đồng trên dư nợ gốc thực tế cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

**[3]. Chi phí tố tụng:** Tòa án đã chi số tiền 700.000 đồng phục vụ cho việc xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn nộp tạm ứng. Tại phiên tòa, bà Ng tự nguyện chịu số tiền 700.000 đồng phục vụ cho việc xem xét thẩm định tại chỗ trả lại cho nguyên đơn nên ghi nhận tự nguyện của bà Ng.

**[4]. Về án phí:** Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 33.059.000 đồng.

*Vì các lý trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 147, 157 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 299, 320, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về nội dung:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Huỳnh Bửu L với bà Trần Thị Thảo Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ph số tiền nợ vay vốn gốc 576.040.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng*), lãi trong hạn là 118.411.701 đồng (*Một trăm mười tám triệu, bốn trăm mười một ngàn, bảy trăm lẻ một đồng*) và lãi quá hạn 32.026.593 đồng (*Ba mươi hai triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm chín mươi ba đồng*). Tổng cộng nợ vay vốn gốc và tiền lãi là 726.478.294 đồng (*Bảy trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm chín mươi bốn đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 0567/2015/HĐTD-CN ngày 25-12-2015.

Kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm 13-6-2019, ông Huỳnh Bửu L với bà Trần Thị Thảo Ng phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn điều chỉnh từng thời điểm trên dư nợ gốc thực tế cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp ông L và bà Ng không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng Ph thì giao cho Cơ quan thi hành án Dân sự phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 277, tờ bản đồ 33, diện tích 160,6 m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 55, ấp L, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, số CA 081209, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS10944 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 24-6-2015 cho Huỳnh Bửu L và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4 diện tích xây dựng 75 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 156,4 m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0016/2016/BĐ ngày 08-01-2016 để ưu tiên thanh toán nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Ghi nhận tự nguyện của bà Trần Thị Thảo Ng trả lại cho nguyên đơn số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

**3. Về án phí:** Buộc bị đơn ông Huỳnh Bửu L với bà Trần Thị Thảo Ng nộp 33.059.000 đồng (*Ba mươi ba triệu, không trăm năm mươi chín ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Ph số tiền 14.777.000 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003938, ngày 29-8-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

**4. Quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn, bà Ng biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn ông L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Quốc Tuấn**